

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

NGHỊ ĐỊNH số 374-TTg ngày 15-10-1959
sửa đổi điều 11 và điều 20 của Điều
lệ thuế nông nghiệp vùng đã cải cách
ruộng đất ban hành ngày 24-3-1956.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ điều lệ thuế nông nghiệp áp dụng ở những nơi đã cải cách ruộng đất ban hành ngày 24 tháng 3 năm 1956 và những văn bản sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ đó;

*Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Tài chính;
Căn cứ nghị quyết của hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ.*

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.— Nay sửa đổi điều 11 và điều 20 trong điều lệ thuế nông nghiệp vùng đã cải cách ruộng đất như sau :

Điều 11 mới : « Đối với những loại cây lưu niên, có tính chất sản vật đặc biệt của từng địa phương, thì hoa lợi không gộp vào hoa lợi ruộng đất để tính thuế theo thuế biểu chung, mà tính riêng, thuế thu từ 7% đến 12% số hoa lợi thực thu. Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh căn cứ vào chủ trương của địa phương đối với từng loại cây mà quy định thuế suất cụ thể, sau khi được Bộ Tài chính đồng ý, nếu đối với một loại cây nào, cần phải tăng thuế suất trên 12% hay hạ thuế suất dưới 7% thì phải được Thủ tướng Chính phủ chuẩn y.

Việc quy định vùng nào có sản vật đặc biệt do Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh quyết định.

Ngoài những vùng đã quy định là có sản vật đặc biệt, thì đất trồng những loại cây trên vẫn tính sản lượng thường niên theo ruộng đất chung quanh và gộp với hoa lợi ruộng đất để tính thuế theo thuế biểu chung ».

Điều 20 mới : « Đối với các loại ruộng đất dự trữ (ruộng đất dành đón thương binh, dành cho những công trình kiến thiết v.v...) ruộng vắng chủ, do chính quyền và nông hội giao cho nông dân cây cấy, thì hoa lợi ruộng đất đó không gộp vào hoa lợi ruộng đất sẵn có của nông hộ nhận ruộng để tính thuế, mà nộp thuế theo thuế suất bình quân của mỗi xã.

Nếu các đoàn thể, tổ đời công nhận cây cấy các loại ruộng đất nói trên cũng nộp thuế theo thuế suất bình quân của xã.

Nếu chính quyền có thu một phần hoa lợi vào các loại ruộng đất nói trên thì nộp thuế 10% phần hoa lợi thu được, người cấy cấy chỉ phải nộp thuế vào phần hoa lợi còn lại.

Đối với những vùng ruộng đất nhiều, dân số ít, xét cần khuyến khích cây cấy hết diện tích, Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh có thể quyết định giảm từ 20% đến 50% số thuế về phần ruộng đất dự trữ và ruộng đất vắng chủ ».

Điều 2.— Đối với Miền núi, Bộ Tài chính cùng với Ủy ban Hành chính khu, tỉnh miền núi quy định những biện pháp thích hợp để áp dụng nghị định này.

Điều 3.— Ông Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 15 tháng 10 năm 1959

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

NGHỊ ĐỊNH số 375-TTg ngày 15-10-1959
quy định việc tính thuế nông nghiệp
đối với các hợp tác xã sản xuất nông
nghiệp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ điều lệ thuế nông nghiệp áp dụng ở những nơi đã cải cách ruộng đất ban hành ngày 24 tháng 3 năm 1956 và những văn bản sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ đó;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ nghị quyết của hội nghị Thường vụ Hội đồng Chính phủ.

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.— Để phù hợp với tình hình nông thôn hiện nay và khuyến khích phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời đảm bảo nguyên tắc công bằng hợp lý, phát triển sản xuất, đảm bảo cung cấp cho nhu cầu Nhà nước của chính sách thuế nông nghiệp, nay quy định các biện pháp tính thuế, thu thuế và miễn giảm thuế nông nghiệp đối với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Điều 2.— Phương pháp tính thuế chung cho hợp tác xã quy định như sau :

1) Căn cứ vào sản lượng thường niên của ruộng đất (kể cả phần xã viên đã góp vào hợp tác xã và phần giữ lại làm riêng) và nhân khẩu nông nghiệp để tính thuế cho từng nông hộ xã viên theo chính sách thuế nông nghiệp hiện hành nhưng thuế suất tối đa không quá 25%.

2) Hợp tác xã cấy các loại ruộng đất dự trữ, ruộng đất vắng chủ, ruộng đất của hợp tác xã khai phá (đã đến hạn chịu thuế) thì nộp thuế về hoa lợi ruộng đất này theo thuế suất bình quân của mỗi xã, nhưng thuế suất tối đa không quá 12%.

Tất cả số thuế của các nông hộ xã viên tính như trên cộng với số thuế của ruộng đất dự trữ, vắng chủ v.v... do hợp tác xã làm, thành thuế của hợp tác xã.

Điều 3. — Nông hộ xã viên hợp tác xã cấp thấp chịu thuế về phần ruộng đất để lại làm riêng và chịu từ 40% đến 50% số thuế về phần ruộng đất góp vào hợp tác xã; nông hộ xã viên hợp tác xã cấp cao chịu thuế về phần ruộng đất để lại làm riêng. Số thuế còn lại do tập thể hợp tác xã chịu.

Thuế của hợp tác xã (kể cả phần của tập thể hợp tác xã và phần của nông hộ xã viên) thống nhất do hợp tác xã tập trung nộp cho Nhà nước, trước khi chia hoa lợi cho xã viên.

Điều 4. — Hợp tác xã cấp thấp được trích 3% và hợp tác xã cấp cao được trích 5% tổng số thuế của hợp tác xã, để lại quỹ của hợp tác xã dùng vào những việc có lợi ích chung trong hợp tác xã.

Điều 5. — Đối với các loại cây lưu niên, nếu bước đầu quản lý kinh doanh của hợp tác xã còn gặp khó khăn, có thể được giảm từ 10% đến 20% vào số thuế về các cây lưu niên này. Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh sẽ quyết định tỷ lệ và thời gian giảm thuế.

Điều 6. — Trường hợp vì thiên tai, mùa màng bị thiệt hại thì hợp tác xã được miễn giảm thuế như sau:

Thiệt hại dưới 10% lũng số hoa lợi chịu thuế của hợp tác xã không được giảm thuế.

Thiệt hại 10% giảm 10% số thuế.

Thiệt hại trên 10% đến 15% giảm 15% số thuế.

Thiệt hại trên 15% đến 20% giảm 20% số thuế.

Thiệt hại trên 20% đến 25% giảm 30% số thuế.

Thiệt hại trên 25% đến 30% giảm 40% số thuế.

Thiệt hại trên 30% đến 35% giảm 50% số thuế.

Thiệt hại trên 35% đến 40% giảm 70% số thuế.

Thiệt hại trên 40% được miễn hầu thuế.

Điều 7. — Đối với miền núi, Bộ Tài chính cùng với Ủy ban Hành chính khu, tỉnh miền núi sẽ căn cứ vào tình thần chính sách trong nghị định này và các chính sách thuế nông nghiệp hiện hành ở miền núi mà quy định biện pháp thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền núi cho thích hợp.

Điều 8. — Những quy định trước đây về thu thuế nông nghiệp đối với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 9. — Chi tiết thi hành nghị định này do Bộ Tài chính quy định.

Điều 10. — Ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1959

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG.

THÔNG TƯ số 379-TTg ngày 19-10-1959 về việc hoàn thành thắng lợi vụ mùa và tích cực chuẩn bị vụ đông xuân 1959—1960

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các khu, tỉnh,
thành phố,

Hiện nay lúa mùa đang trở, có nơi lúa đã trở xong, ở một vài vùng, nông dân đã bắt đầu gieo mạ, chuẩn bị đất để trồng hoa mầu và một số cây công nghiệp. Thời gian này chúng ta cần tập trung lực lượng để bảo đảm thu hoạch tốt vụ mùa, tích cực xúc tiến việc chuẩn bị vụ đông xuân, làm cơ sở vững chắc cho việc thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước 1960.

Việc chỉ đạo thực hiện sản xuất nông nghiệp đòi hỏi phải nắm tình hình một cách toàn diện, cụ thể và kịp thời. Nhưng hiện nay nội dung báo cáo của phần lớn các tỉnh gửi về Trung ương chỉ nêu những nét chung, chưa nêu lên được đặc điểm tình hình, khó khăn trong công tác, ý chí và nguyện vọng của nhân dân; chưa phản ánh những ưu và khuyết điểm chính trong việc chỉ đạo phong trào sản xuất, trong việc vận dụng phương châm, nhiệm vụ cụ thể của mỗi địa phương. Tuy vậy qua báo cáo của các địa phương đã gửi về và phản ánh của những Bộ có liên quan, Thủ tướng Chính phủ có những nhận xét chung sau đây để góp ý kiến với các địa phương nhằm thúc đẩy phong trào tiến lên mạnh mẽ và vững chắc.

— Đối với vụ mùa thì hầu hết các địa phương đều cố gắng đẩy mạnh đợt làm cỏ, bón phân, trừ sâu chuột, nhưng phong trào chưa thật mạnh và chưa đều. Gần đây, một số vùng của Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Linh bị lụt lũ làm thiệt hại một phần lúa và hoa mầu. Nhiều nơi vùng đồng bằng và trung du đang bị hạn, có nơi hạn nghiêm trọng, vì kém ý thức giữ nước phòng hạn, quản lý đồng ruộng không tốt, hoặc khi biết có hạn thì thiếu tích cực chống ngay từ đầu để đến lúc đất nứt nẻ, thậm chí có nơi trắng đất mới chống, cho nên phải tốn nhiều công sức.

— Đối với việc chuẩn bị đông xuân, việc giáo dục tư tưởng, chuẩn bị vật chất như nước, phân, giống, nông cụ, trâu bò và lập kế hoạch từ dưới lên, nhìn chung các địa phương đều tích cực thi hành trong bước đầu kết hợp với việc phát triển và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp và việc chỉnh huấn cán bộ, đảng viên nông thôn. Cán bộ và một số đông nhân dân được thảo luận, bàn bạc rộng rãi nhiệm vụ, phương châm sản xuất đông xuân nên đã bước đầu nắm vấn đề, và nhờ vụ mùa có triển vọng tốt nên có không khí phấn khởi trong việc chuẩn bị vụ đông xuân. Tuy vậy, sự nhận thức về phương châm nhiệm vụ chưa